

Bản án số: 22/2019/DS-ST
Ngày: 19/6/2019
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Lợi
2. Ông Cao Quốc Hưng

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Triều S, sinh năm 1992

Địa chỉ: 268 Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Bích Ph, sinh năm 1971

Địa chỉ: 3/6 Tổ A, Khu phố B, phường B, Quận H, TP. Hồ Chí Minh

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Hồ Thành P, sinh năm 1972 (Chồng bà Nguyễn Bích Ph)

Địa chỉ: 3/6 Tổ A, Khu phố B, phường B, Quận H, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của ông P là ông Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1989 (Giấy ủy quyền số chứng thực 3616, quyền số 6-SCT/CK, ĐC ngày 18/6/2019 lập tại Văn phòng công chứng Nhà Rộng).

3.2 Bà Trần Thảo Kim Kh, sinh năm 1995 (Vợ ông Trần Triều S)

Địa chỉ: 268 Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Ông Trần Triều S, ông Nguyễn Hoàng Đ có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 14 tháng 8 năm 2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản v/v không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Triều S trình bày: Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tôi cho bà Nguyễn Bích Ph vay số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng, hai bên thỏa thuận lập “Hợp đồng vay tiền” ngày 18/01/2018 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Lê Văn Dũng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, mục đích vay để kinh doanh.

Tôi và bà Ph thỏa thuận lập thêm “Biên bản làm việc” ngày 18/01/2018 nội dung xác nhận tôi có giao cho bà Ph số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng và để làm tin bà Ph có giao cho tôi bản chính “Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở”, hồ sơ gốc số 1579/2003 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 02/10/2007 cho ông Nguyễn Văn Thùy, sinh năm 1933 và bà Nguyễn Thị Tròn, sinh năm 1935 (ông Thùy và bà Tròn là cha mẹ ruột của bà Ph), Văn phòng thừa phát lại quận Thủ Đức lập vi bằng xác nhận buổi làm việc giữa tôi và bà Ph, vi bằng có kèm theo đĩa chứa file video, hình ảnh kèm vi bằng. Thực chất số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng này là tôi cho bà Ph vay theo “Hợp đồng vay tiền” lập ngày 18/01/2018 tại Văn phòng Công chứng Lê Văn Dũng. Việc lập vi bằng kèm theo “Biên bản làm việc” ngày 18/01/2018 giữa tôi và bà Ph chỉ để xác nhận việc tôi đã giao cho bà Ph số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng và tôi đang giữ Bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở”, hồ sơ gốc số 1579/2003 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 02/10/2007 cho ông Nguyễn Văn Thùy, sinh năm 1933 và bà Nguyễn Thị Tròn, sinh năm 1935. Ông Thùy đã chết ngày 23/5/2016, bà Tròn đã chết ngày 23/9/2012. Quá trình vay, bà Ph trả lãi cho tôi được 05 tháng, mỗi tháng trả 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, tổng cộng 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Số tiền tôi cho bà Ph vay là tài sản chung của tôi và vợ là Trần Thảo Kim Kh nên tôi khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Bích Ph và chồng là ông Hồ Thành P có trách nhiệm trả ngay cho vợ chồng tôi số tiền nợ gốc 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật cho “Hợp đồng vay tiền” lập ngày 18/01/2018 tại Văn phòng Công chứng Lê Văn Dũng. Khi bà Ph trả tiền, tôi trả lại cho bà Ph bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở”, hồ sơ gốc số 1579/2003 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 02/10/2007.

Bị đơn bà Nguyễn Bích Ph vắng mặt tại phiên tòa nên không trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Thành P vắng mặt trong quá trình Tòa án tiến hành thu thập lời khai, mở phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa lần 1 ngày 18/5/2019. Đến ngày 19/6/2019, Tòa án mở phiên tòa lần 2 thì ông P mới ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng Đ tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền số chứng thực 3616, quyền số 6-SCT/CK, ĐC ngày 18/6/2019 lập tại Văn phòng công chứng Nhà Rồng.

Tại bản tự khai ngày 19/6/2016 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Thành P có ông Nguyễn Hoàng Đ là người đại diện theo ủy

quyền trình bày: Ngày 18/01/2018, ông Trần Triều S có ký hợp đồng cho bà Nguyễn Bích Ph vay 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng. Theo tôi được biết thì bà Ph hàng tháng đóng tiền lãi cho ông S là 20.000.000 đồng/tháng, đóng được 06 tháng, tổng số tiền lãi đã trả là 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng. Nay ông S yêu cầu bà Ph và ông P trả tiền vay theo hợp đồng công chứng đã ký ngày 18/01/2018, ông P đồng ý cùng với bà Ph trả số nợ gốc 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng. Còn về nợ lãi đề nghị Tòa án xem xét điều chỉnh cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 27/8/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thảo Kim Kh trình bày: Bà là vợ ông Trần Triều S. Bà thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông S, ngoài ra bà không có ý kiến hay yêu cầu nào khác. Bà Nguyễn Bích Ph và ông Hồ Thành P phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật cho “Hợp đồng vay tiền” ngày 18/01/2018 lập tại Văn phòng Công chứng Lê Văn Dũng. Bà Khánh có đơn đề nghị vắng mặt trong quá trình tòa án hòa giải, xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Trần Triều S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Bích Ph vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Thành P có ông Nguyễn Hoàng Đ là người đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 phát biểu:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, cần đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và điều chỉnh tiền lãi đã trả theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng giữa các bên đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa ông Trần Triều S và bà Nguyễn Bích Ph là tranh chấp về giao dịch dân sự; bị đơn bà Ph có nơi cư trú tại Quận 2 nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

Về thủ tục tố tụng:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thảo Kim Kh đã có lời khai và có yêu cầu vắng mặt khi xét xử. Xét việc vắng mặt của bà Khánh không ảnh hưởng đến việc giải quyết và xét xử vụ án nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng

dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Trần Thảo Kim Kh.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Bích Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Thành P đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án nhân dân Quận 2 đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Lần 1: Vào ngày 18/10/2018, niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án số 180/TB-TLVA ngày 21/8/2018; Giấy triệu tập đương sự ngày 18/10/2018 triệu tập bà Nguyễn Bích Ph và ông Hồ Thành P đến Tòa án nhân dân Quận 2 vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 08/11/2018 để cung cấp lời khai và tài liệu chứng cứ nhưng bà Ph và ông P vắng mặt không có lý do;

- Lần 2: Vào ngày 16/11/2018, niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án số 180/TB-TLVA ngày 21/8/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 272/TB-TA ngày 14/11/2018; Giấy triệu tập đương sự ngày 14/11/2018 triệu tập bà Nguyễn Bích Ph và ông Hồ Thành P đến Tòa án nhân dân Quận 2 vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 06/12/2018 để cung cấp lời khai và tài liệu chứng cứ; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Ph và ông P vắng mặt không có lý do;

- Ngày 06/12/2018, nguyên đơn ông Trần Triều S có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

- Lần 3: Vào ngày 09/5/2019, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐST-DS ngày 07/5/2019 và Giấy triệu tập đương sự ngày 08/5/2019 triệu tập bà Nguyễn Bích Ph và ông Hồ Thành P đến Tòa án nhân dân Quận 2 vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 28/5/2019 để tham gia phiên tòa nhưng bà Nguyễn Bích Ph và ông Hồ Thành P vắng mặt không có lý do;

- Lần 4: Vào ngày 30/5/2019, niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2019/QĐST-DS ngày 28/5/2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2019 và Giấy triệu tập đương sự ngày 28/5/2019 triệu tập bà Nguyễn Bích Ph và ông Hồ Thành P đến Tòa án nhân dân Quận 2 vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 19/6/2019 để tham gia phiên tòa nhưng bà Nguyễn Bích Ph vắng mặt không có lý do.

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về thời hiệu khởi kiện: Đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung yêu cầu của đương sự: Ông Trần Triều S yêu cầu bà Nguyễn Bích Ph và ông Hồ Thành P có trách nhiệm trả cho ông và bà Trần Thảo Kim Kh số tiền nợ gốc 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ “Hợp đồng vay tiền” ngày 18/01/2018 lập tại Văn phòng Công chứng Lê Văn Dũng về việc công Trần Triều S cho bà Nguyễn Bích Ph vay số tiền

600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng, thời hạn vay 06 tháng, mục đích vay để kinh doanh. Hợp đồng vay không thể hiện lãi suất, tuy nhiên ông S trình bày bà Ph có trả lãi cho ông được 05 tháng với số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng thì ngưng không trả. Đồng thời hai bên lập thêm “Biên bản làm việc” ngày 18/01/2018 có chứng nhận của Văn phòng Thừa phát lại quận Thủ Đức nội dung xác nhận ông S có giao cho bà Ph số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng để thực hiện việc chuyển nhượng một phần nhà đất theo “Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở”, hồ sơ gốc số 1579/2003 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 02/10/2007 cho ông Nguyễn Văn Thùy, sinh năm 1933 và bà Nguyễn Thị Tròn, sinh năm 1935 (Ông Tròn và bà Thùy là cha mẹ của bà Nguyễn Bích Ph) và bà Ph giao cho ông S bản chính giấy chứng nhận nêu trên để làm tin. Theo lời trình bày của ông S thì việc lập thêm biên bản làm việc ngày 18/01/2017 là để xác nhận số nợ còn việc chuyển nhượng nhà đất hai bên không thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử xác định giao dịch giữa ông S và bà Ph là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi.

Tại biên bản làm việc ngày 18/01/2018 được Văn phòng thừa phát lại quận Thủ Đức chứng nhận thì bà Ph tự nguyện giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở”, hồ sơ gốc số 1579/2003 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 02/10/2007 cho ông S để làm tin. Việc thế chấp tài sản các bên đã không đăng ký thế chấp theo quy định tại Khoản 1 Điều 298, Khoản 4 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 12 Văn bản hợp nhất 8019/VBHN-BTP hợp nhất Nghị định về giao dịch bảo đảm ngày 10/12/2013 của Bộ Tư pháp. Do đó, thoả thuận về thế chấp tài sản bị vô hiệu về hình thức. Phần hợp đồng về thoả thuận cho vay là hợp pháp và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*.

Xét, theo nguyên đơn thì từ khi vay tiền đến nay bị đơn bà Ph chỉ thanh toán một phần nợ lãi mà chưa thanh toán nợ gốc. Do đó, ông S yêu cầu bà Ph trả số tiền nợ gốc 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông S xác nhận số tiền ông cho bà Ph vay là tài sản chung của ông và bà Trần Thảo Kim Kh. Còn phía bị đơn bà Ph vay tiền trong thời kỳ hôn nhân với ông Hồ Thành P và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông P cũng đồng ý việc ông P có trách nhiệm trả nợ tiền vay cùng với bà Ph. Do đó, ông S yêu cầu bà Ph và ông P có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông số tiền nợ gốc 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về tiền lãi: Hợp đồng vay tài sản giữa ông S và bà Ph là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi. Căn cứ Khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) *Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;*

b) *Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, quy định về lãi suất:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Căn cứ Khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015:

Đối với hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi thì bên vay có quyền trả lại tài sản trước kỳ hạn, nhưng phải trả toàn bộ lãi theo kỳ hạn, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Hợp đồng vay tiền giữa hai bên không thể hiện lãi suất vay, tuy nhiên nguyên đơn xác nhận bị đơn có trả tiền lãi được 05 tháng, mỗi tháng 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, tổng cộng 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Thành P có ông Nguyễn Hoàng Đ là người đại diện theo ủy quyền cho rằng bà Ph đã trả được 06 tháng tiền lãi, mỗi tháng trả 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, tổng cộng 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Như vậy, có sự thống nhất trong lời khai của các bên về số tiền lãi mỗi tháng bà Ph đã trả cho ông S là 20.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở để xác định bà Ph đã trả cho ông S 05 tháng tiền lãi, mỗi tháng 20.000.0000 đồng (tương đương 3,33%/tháng), tổng cộng 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Thành P có ông Nguyễn Hoàng Đ là người đại diện theo ủy quyền đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và điều chỉnh đối với số tiền lãi bà Ph đã trả cho ông S theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xem xét như sau:

Về tiền lãi trong hạn: Số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng/tháng (lãi suất 3,33%/tháng), tương đương 39,96%/năm là vượt quá quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó, số tiền lãi trong hạn 06 tháng được điều chỉnh lại là:

$600.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} (20\%/\text{năm}) \times 06 \text{ tháng} = 59.760.000$ (Năm mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Bà Ph đã trả cho ông S $100.000.000$ (Một trăm triệu) đồng nên số tiền lãi trả dư là: $100.000.000 - 59.760.000 = 40.240.000$ (Bốn mươi triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Về tiền lãi quá hạn: Từ ngày 19/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/6/2019 số tiền lãi quá hạn là: $600.000.000 \times 2,5\%/\text{tháng} (30\%/\text{năm}) \times 11 \text{ tháng} = 165.000.000$ (Một trăm sáu mươi lăm triệu) đồng.

Như vậy, số tiền lãi bà Ph và ông P còn phải trả cho ông S là: $165.000.000 - 40.240.000 = 124.760.000$ (Một trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi tạm tính từ ngày 20/7/2018 đến ngày 19/6/2019 là: $600.000.000 + 124.760.000 = 724.760.000$ (Bảy trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Bích Ph và ông Hồ Thành P có trách nhiệm liên đới trả ngay cho ông Trần Triều S và bà Trần Thảo Kim Kh số tiền nợ gốc $600.000.000$ (Sáu trăm triệu) đồng và nợ lãi tạm tính từ ngày 20/7/2018 đến ngày 19/6/2019 là $124.760.000$ (Một trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là: $724.760.000$ (Bảy trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn, án phí là $32.990.400$ đồng (Ba mươi hai triệu chín trăm chín mươi nghìn bốn trăm đồng).

Ghi nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 về tổ tụng và nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 228, Điều 232, Điều 259, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

- Áp dụng Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Bích Ph và ông Hồ Thành P có trách nhiệm liên đới trả ngay cho ông Trần Triều S và bà Trần Thảo Kim Kh số tiền nợ gốc $600.000.000$ (Sáu trăm triệu) đồng và nợ lãi tạm tính từ

ngày 20/7/2018 đến ngày 19/6/2019 là 124.760.000 (Một trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là: 724.760.000 (Bảy trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng, theo “Hợp đồng vay tiền” ngày 18/01/2018 lập tại Văn phòng Công chứng Lê Văn Dũng. Phương thức thanh toán làm một đợt.

2. Kể từ ngày ông Trần Triều S và bà Trần Thảo Kim Kh có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Bích Ph và ông Hồ Thành P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ chi trả số tiền nói trên thì hàng tháng bà Ph và ông P còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền tính trên nghĩa vụ chi trả. Nếu các bên không có thỏa thuận thì lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Ông Trần Triều S có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Bích Ph bản chính “Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở”, hồ sơ gốc số 1579/2003 do Ủy ban nhân dân Quận 2 cấp ngày 02/10/2007 ngay khi bà Nguyễn Bích Ph và ông Hồ Thành P thanh toán đủ số nợ nêu trên.

Hai bên thi hành cùng một lúc tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 32.990.400 đồng (Ba mươi hai triệu chín trăm chín mươi nghìn bốn trăm đồng), bà Nguyễn Bích Ph và ông Hồ Thành P phải chịu. Hoàn lại cho ông Trần Triều S số tiền tạm ứng án phí là 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0015495 ngày 21/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 2. Bà Nguyễn Bích Ph và ông Hồ Thành P chưa nộp án phí.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

- Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND Quận 2;
- Chi cục THA DS Quận 2;
- TAND TP HCM;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Ngọc Phú

